TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK** Bản án số: **12**/2026/HNGĐ-ST Ngày 06/3/2026. *"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Trọng Khánh và ông Nguyễn Đình Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Quốc Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7- Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 319/2025/TLST – HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2025, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/01/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 12/02/2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Lý Thị B, sinh năm 1987.
Địa chỉ: .
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- **Bị đơn**: Ông Bàn Văn T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk.
(Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lý Thị B trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi () và ông Bàn Văn T qua thời gian quen biết, tìm hiểu, yêu nhau khoảng 02 năm, được sự đồng ý của hai gia đình chúng tôi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, sau khi tổ chức đám cưới được thời gian, đến ngày 24/7/2008 vợ chồng tôi đến UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện.

Trong thời gian vợ chồng sống chung với nhau đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, trong cuộc sống ông Bàn Văn T không giúp đỡ tôi công việc trong gia đình, tôi phải gửi con nhỏ cho hàng xóm vừa phải đi làm, những lúc con bị ốm đau, ông Bàn Văn T không

giúp đỡ cùng tôi chăm sóc con cái, ỷ lại mọi công việc trong gia đình cho tôi. Không những không giúp đỡ vợ con, ông Bàn Văn T còn nhiều lần tự ý vay mượn tiền của một số người tiêu xài cho bản thân và bắt tôi phải trả nợ, khi tôi nói thì ông Bàn Văn T đánh tôi. Thời gian đầu vì con cái, nên tôi bỏ qua, nhưng thời gian càng về sau ông Bàn Văn T sống càng qúa đáng. Đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, do ông Bàn Văn T sử dụng ma túy bị bắt, tôi phải vay tiền để nộp phạt và phải bán tài sản để trả nợ cho ông Bàn Văn T, không những vậy ông Bàn Văn T còn lấy tài sản trong nhà mang đi bán, cầm cố để lấy tiền tiêu xài cho bản thân. Tôi đã nhiều lần động viên và nhờ gia đình bên nội, bạn bè khuyên bảo nhưng ông Bàn Văn T không bỏ tính chơi bời, nghiện hút. Xét thấy vợ chồng không thể sống cùng nhau được, nên tôi đã bế con nhỏ bỏ nhà đi kiếm việc làm để mẹ con nuôi nhau, và chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2021 cho đến nay.

Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, do tình nghĩa vợ chồng đã hết, không thể quay lại hàn gắn với nhau được nữa, nên vợ chồng không quan tâm đến nhau. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Bàn Văn T để tôi yên ổn làm ăn nuôi các con.

- *Về con chung*: Tôi (B) và ông Bàn Văn T có 02 con chung là: Cháu Bàn Thị Thu H, sinh ngày 15/01/2009 và cháu Bàn Lý Mai L, sinh ngày 05/01/2020. Hiện nay cháu Bàn Thị Thu H đang ở nhà bác để đi học, còn cháu B1 Lý Mai L đang do tôi nuôi dưỡng. Ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi các con chung cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông Bàn Văn T phải đóng góp tiền nuôi con chung cho tôi.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2026 bị đơn ông Bàn Văn T trình bày:*

Tôi (T) và bà Lý Thị B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (cũ) vào ngày 24/7/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Năm 2024 bà Lý Thị B đi xuất khẩu lao động, sau khi đi được thời gian về nước và bà Lý Thị B có đơn yêu cầu ly hôn tôi, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Tôi nghĩ lý do bà Lý Thị B ly hôn là do tôi bị bệnh không có khả năng lao động, nay bà Lý Thị B làm đơn ly hôn tôi thì tôi không đồng ý, bà Lý Thị B muốn ly hôn thì làm đơn phương.

-*Về con chung*: Tôi và bà Lý Thị B có 02 con chung như bà Lý Thị B trình bày. Hiện tôi không có khả năng lao động, nên đồng ý để các con chung cho bà Lý Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phần tranh luận tại phiên toà

Tại phiên toà nguyên đơn bà Lý Thị B có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Bàn Văn T vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của các bên đương sự.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định

của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Bàn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án để chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lý Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị B.

- Về con chung: Giao các cháu Bàn Thị Thu H, sinh ngày 15/01/2009 và cháu Bàn Lý Mai L, sinh ngày 05/01/2020 cho bà Lý Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Lý Thị B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí ly hôn nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* bị đơn ông Bàn Văn T đang cư trú tại . Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự…. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Toà án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã tiến hành làm việc và xác định, tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ông Bàn Văn T đang sinh sống tại phương, biết việc bà Lý Thị B có đơn khởi kiện ly hôn ông Bàn Văn T và đang được Toà án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk giải quyết, ông Bàn Văn T nhận được các văn bản tố tụng nhưng không hợp tác, không đến làm việc, không nêu lý do vắng mặt, thuộc trường hợp cố tình vắng mặt, Tại phiên tòa ông Bàn Văn T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị B và ông Bàn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại xã Đ, huyện N, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 24 tháng 7 năm 2008, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo lời khai của Bà Lý Thị B: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông Bàn Văn T không giúp đỡ vợ công việc trong gia đình và chăm sóc con cái, ỷ lại mọi công việc trong gia đình cho bà Lý Thị B, nhiều lần tự ý vay mượn tiền của người ngoài tiêu xài cho bản thân và bắt bà Lý Thị B phải trả nợ, khi bà Lý Thị B nói thì ông Bàn Văn T đánh. Thời gian đầu vợ chồng bỏ qua cho nhau, nhưng ông Bàn Văn T không thay đổi tính cách, dẫn đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, do ông T sử dụng ma túy bị cơ quan chức năng bắt, bà Lý Thị B đã phải vay tiền nộp phạt và bán tài sản để trả nợ. Do ông Bàn Văn T không thay đổi cách sống nên bà Lý Thị B đã bế con nhỏ bỏ nhà đi kiếm việc làm và vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 9/2021 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã tiến hành mở phiên họp, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng ông Bàn Văn T vắng mặt, không nêu lý do vắng mặt, và cũng không có ý kiến thể hiện biện pháp để khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương chăm sóc, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng theo lời trình bày của bà Lý Thị B thì ông Bàn Văn T chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người chồng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống chung của vợ chồng. Hơn nữa vợ chồng bà Lý Thị B và ông Bàn Văn T ly thân nhau đã lâu, chứng tỏ mâu thuẫn của bà Lý Thị B và ông Bàn Văn T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị B là có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị B.

[2.2] Về con chung: Bà Lý Thị B và ông Bàn Văn T có 02 con chung là cháu Bàn Thị Thu H, sinh ngày 15/01/2009 và cháu Bàn Lý Mai L, sinh ngày 05/01/2020. Quá trình giải quyết vụ án bà Lý Thị B có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung cho đến tuổi trưởng thành. Xét yêu cầu của bà Lý Thị B thấy rằng: Cháu Bàn Thị Thu H, sinh ngày 15/01/2009 là con gái đang trong giai đoạn trưởng thành, và cháu Bàn Lý Mai L, sinh ngày 05/01/2020 hiện đang do bà Lý Thị B nuôi dưỡng từ nhỏ, nên việc giao cháu Bàn Thị Thu H và cháu B1 Lý Mai L cho bà Lý Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng là thoả đáng, phù hợp với nguyện vọng của các cháu cũng như ý kiến của ông Bàn Văn T, nên cần chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lý Thị B không yêu cầu ông Bàn Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét yêu cầu này của bà Lý Thị B là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Nên trách nhiệm cấp dưỡng con chung không đặt ra giải quyết tại phiên tòa.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lý Thị B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà Lý Thị B là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định, nên được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị B.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho bà Lý Thị B được ly hôn với ông Bàn Văn T.

2. *Về con chung*: Giao cho bà Lý Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung cháu Bàn Thị Thu H, sinh ngày 15/01/2009 và cháu Bàn Lý Mai L, sinh ngày 05/01/2020 cho đến tuổi trưởng thành *(Tròn 18 tuổi)*.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ghi nhận việc bà Lý Thị B tự nguyện không yêu cầu ông Bàn Văn T phải đóng giúp tiền nuôi dưỡng con chung.

Ông Bàn Văn T có quyền đi lại chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, tuy nhiên ông Bàn Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết thay đổi người nuôi giữ, mức cấp dưỡng.

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Lý Thị B.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
-Phòng THADS khu vực 7;
-UBND xã Ngân Sơn,Thái Nguyên,
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Tuân